

Số: 105/BC-TTYT

Kiên Hải, ngày 15 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO SƠ KẾT

**Kết quả thực hiện công tác Y tế 06 tháng đầu năm 2026 và
phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026**

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC; CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức

Trung tâm Y tế Kiên Hải được thành lập trên cơ sở Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải sau khi thực hiện xác nhập 2 Tỉnh (An Giang và Kiên Giang) tại Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh An Giang gồm 4 phòng chức năng và 9 khoa chuyên môn¹. Hiện tại, Trung tâm Y tế Kiên Hải là đơn vị Hạng 3 (thực hiện KCB cấp cơ bản); thực hiện các kỹ thuật, quy trình khám chữa bệnh ban đầu; sơ cấp cứu; các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em; người cao tuổi; y tế học đường; truyền thông, giáo dục sức khỏe; công tác phòng chống dịch bệnh, bệnh không lây nhiễm; tiêm chủng mở rộng; An toàn thực phẩm...

2. Công tác chỉ đạo điều hành

- Trung tâm Y tế đã tham mưu cấp lãnh đạo trực tiếp; tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Y tế về chăm sóc sức khỏe ban đầu; phòng chống dịch bệnh; thực hiện các chương trình y tế quốc gia; dân số, truyền thông giáo dục sức khỏe, ATTP... Trong 06 tháng đầu năm, đơn vị đã tiếp nhận triển khai thực hiện cụ thể hoá 739 văn bản trong đó: Công văn 149²; Kế hoạch 113³; Quyết định 172 văn bản⁴; Báo cáo 89 văn bản; Thông báo 160 văn bản; Tờ trình 49 văn bản; Biên bản: 00; Giấy mời: 07.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu được giao; báo cáo định kỳ nhiệm vụ thực hiện. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định, quy trình về công tác chuyên môn, đảm bảo quá trình thực hiện diễn ra an toàn; thực hiện nghiêm 12 điều y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người dân.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, ban ngành, TYT đặc khu trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc y tế; xây dựng tiêu chí về y tế trong thực hiện xây dựng nông

¹ 4 phòng (TCHC; KHN; TCKT, ĐD-TT&GDSK); 9 Khoa (Khoa KB-N-Ng-Nh-Truyền nhiễm; CC-HSTC&CĐ-PT-GMHS; CSSKSS&PS-DS&PT; YHCT&PHCN; KSBT&HIV/AIDS-Tư vấn&Điều trị nghiện chất; Dược-Vật tư, thiết bị Y tế; ATTP-YTCC-DD; XN-CĐHA-KSNK; RHM-Mắt-TMH).

² (1) V/v Chẩn chỉnh công tác KCB, thanh quyết toán BHYT chuyên đề đến dữ liệu 2024-2025; (2) V/v góp ý kế hoạch triển khai kết luận đồng chí Tổng bí thư về chương trình chăm sóc bảo vệ trẻ em; (3) V/v Phân phối tài liệu sổ sách, biểu mẫu, tài liệu truyền thông, (4) Tăng cường phòng chống SXH và ngày phòng chống SXH..

³ (1) Phát triển y tế năm 2026; KH phòng chống dịch bệnh; Tầm soát, chẩn đoán 01 số bệnh trước sinh (2) Thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ-TW; KH triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/BCH TW về triển khai một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; KH cải cách thủ tục hành chính...

⁴ Kện Toàn hội đồng thuốc điều trị; Hội đồng nghiên cứu Khoa học và công nghệ

thôn mới...

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật cải tiến chất lượng bệnh viện, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hoạt động khám chữa bệnh và báo cáo...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(các số liệu từng chương trình có bảng số liệu đính kèm)

1. Công tác khám, chữa bệnh

Trong 06 tháng đầu năm tại Trung tâm có 5.109 lượt KCB đạt 63% chỉ tiêu, trong đó: Khám BHYT 5.109 lượt; xử trí cấp cứu ban đầu 02 lượt; Chuyển tuyến trên 1.121 lượt; Trẻ em dưới 6 tuổi 93 lượt; Người cao tuổi >60 tuổi: 1.481 lượt; Điều trị nội trú: 35 lượt đạt 28%; Khám và điều trị YHCT: 1.734 lượt đạt 86,7% Chỉ tiêu; Bệnh án ngoại trú: 61 lượt đạt 41%.

Cận lâm sàng: Test nhanh đường huyết 140 lượt; Siêu âm 37 lượt. ECG 50 lượt; Xquang 45 lượt.

2. Công tác Chăm sóc SKSS/KHHGD; Dân số và Phát triển

- Tổng số áp dụng các biện pháp tránh thai: 933 lượt⁵. Tổng số sanh tại cơ sở y tế: 88 ca. Tổng số khám phụ khoa: 810. Tổng số lượt điều trị phụ khoa: 480 lượt đạt. Tổng số PN có thai: 88; Số PN đẻ được khám thai >3 lần thai kỳ: 88.

- Công tác dân số và phát triển: Triển khai các kế hoạch chương trình về truyền thông giáo dục nâng cao chất lượng dân số năm 2026; Xây dựng kế hoạch liên tịch và ký hợp đồng trách nhiệm phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền về Dân số năm 2026 với các ngành có liên quan như: Trung tâm dịch vụ tổng hợp, UBMT TQVN. Hợp đồng với Đài truyền thanh (mở chuyên mục Dân số và phát triển vào ngày thứ 7 hàng tuần với thời lượng 15 phút). Tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số; Tập trung truyền thông các nội dung chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, DS-KHHGD, nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền, tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; vận động phụ nữ có thai khám sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh phát hiện, can thiệp điều trị sớm tật, bệnh ở thai nhi và trẻ sơ sinh; điều chỉnh mức sinh; mất cân bằng giới tính khi sinh; tư vấn chăm sóc SKSS/KHHGD cho vị thành niên-Thanh niên; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn đặc khu Kiên Hải. Tổng số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại là: 933 người. Trong đó Trẻ em mới sinh ra ước đến 30/6/2026 là 52 trẻ (+ 01 trẻ so với cùng kỳ), con thứ 3+ là 11 trẻ. Tỷ số giới tính khi sinh (ước): 108 bé trai/100 bé gái (06 tháng đầu năm 2025 là 112,5 bé trai/100 bé gái).

3. Công tác Phòng chống dịch, bệnh

Thực hiện giám sát quản lý chặt chẽ công tác phòng chống dịch trên địa bàn, không để dịch bệnh lây lan. Trong 06 tháng qua so cùng kỳ, ghi nhận 04 ca Tay chân miệng tăng 02 ca so cùng kỳ; XSH-D 03 ca tăng 03 ca; bệnh Sởi 00ca giảm 06

⁵ Vòng: 124 lượt ; Thuốc tiêm: 54 lượt ; Thuốc viên: 470 lượt; Bao cao su: 284

ca ...; Chỉ số lãg quăng cao nhất 47 (BI), một độ cao nhất 0,3 (DI). Thực hiện công tác tiêm chủng thường xuyên miễn dịch cơ bản cho trẻ em 79/179 đạt 44%; Phụ nữ có thai UV2⁺ 71/179 đạt 40%; VgB trẻ <1 tuổi 23/179 đạt 13%. Các chương trình phòng chống bệnh không truyền nhiễm, truyền nhiễm và nguy hiểm khác được báo cáo, quản lý chặt chẽ, cấp phát thuốc kịp thời, đúng thời gian cho bệnh nhân như HIV/AIDS, Lao, Phong, Tâm thần; các bệnh mạn tính khác Tăng huyết áp, Đái tháo đường...

4. Công tác An toàn thực phẩm- Y tế công cộng và Dinh dưỡng

- Đơn vị đã phối hợp với Chi cục ATTP tỉnh, TYT đặc khu triển khai kiểm tra các đợt cao điểm dịp Lễ, Tết, Tháng hành động, Lễ hội vệ sinh ATTP các cơ sở kinh doanh buôn bán dịch vụ ăn uống trên địa bàn; các cơ sở kinh doanh nước, nước lọc.

- Các chương trình vệ sinh môi trường, nha học đường phối hợp CDC tỉnh, TYT giám sát các chỉ số sinh trắc học môi trường một số cơ sở y tế, trường học; khám phân loại sức khỏe, chăm sóc răng miệng cho học sinh các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn được 100 trẻ. Chương trình bổ sung vi chất dinh dưỡng Vitamin A cho 591 trẻ; kết hợp cân đo cho đối tượng dưới 5 tuổi; Tỷ lệ SDD cân nặng/tuổi 6,15%; Tỷ lệ SDD Chiều cao/Tuổi 7,5%.

5. Công tác Điều dưỡng; truyền thông giáo dục sức khỏe

- Triển khai Kế hoạch công tác điều dưỡng năm 2026; KH hoạt động Kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2026 đến các khoa chuyên môn thực hiện.

- Kế hoạch tuyên truyền vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quần chúng nhân dân tham gia phòng, chống ma túy và xây dựng “đặc khu không ma túy” năm 2026; phối hợp liên tịch các hoạt động TTGDSK-DSPT năm 2026; Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2026; Thông tin, truyền thông Y tế năm 2026; Tuyên truyền trên trang, thông tin điện tử Trung tâm Y tế năm 2026; hoạt động TTGDSK năm 2026⁶; Tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày nước Thế giới và Ngày Khí tượng Thế giới năm 2026”; truyền thông hưởng ứng Ngày Thế giới phòng chống sốt rét 25/4; Truyền thông về việc tổ chức Tháng hành động về Tháng an toàn, vệ sinh lao động năm 2026; Truyền thông hưởng ứng Tuần lễ quốc gia NS&VSMT năm 2026; Giám sát hỗ trợ hoạt động Truyền thông giáo dục sức khỏe Quý I, năm 2026.

6. Công tác Dược- Trang thiết bị- Vật tư y tế:

Tham mưu thực hiện tốt các nhiệm vụ đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hoá chất theo các giai đoạn SYT chỉ đạo; cung ứng thuốc BHYT, vắc xin, thuốc chương trình cho các đơn vị khám chữa bệnh; thống kê, báo cáo công tác dược. Phối hợp kiểm kê tài sản, quản lý TTB y tế theo quy định. Tiếp tục tham mưu hoàn thiện, kiện toàn lại Hội đồng thuốc và điều trị, thành lập các tổ giúp việc cho Hội đồng; xây dựng kế

⁶ Số lượt tư vấn cá nhân tại cơ sở y tế 62/48 lượt đạt 129%; số lần chuyển đăng và đăng tin, bài, ảnh infographic, video clip, công văn trên trang thông tin điện tử của đơn vị 92/96 lần đạt 96%; tỷ lệ chủ đề truyền thông theo thời điểm trong năm được thực hiện 28,3/90% đạt 31,4; số lần sinh hoạt chuyên đề trong trường học, cộng đồng dân cư 06/10 đạt 60%; số tin bài ảnh cộng tác 04/24 đạt 16,7%; số lần phát thanh trên hệ thống loa xã/phường 26/20 đạt 130%.

hoạch hoạt động Khoa dược và Hội đồng thuốc năm 2026; xây dựng các quy trình về dược theo hướng dẫn của BHYT...

7. Hoạt động tài chính kế toán

Đơn vị không thực hiện được tự thu tự chi mà kinh phí được cấp hoàn toàn từ ngân sách Nhà nước đảm bảo chi đúng, chi đủ, tiết kiệm và thanh quyết toán theo đúng quy định Nhà nước; Các dự án viện trợ không có. Đầu năm được Nhà nước giao dự toán: 19.845.900.000 đồng; thu dịch vụ KCB và Thu phí 850.000.000 đồng; Số dư năm 2025 chuyển sang 798.000.000 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026 đơn vị thực hiện chi: 7.168.576.123đ; trong đó: Chi cho lương, phụ cấp: 6.471.515.082đ; Chi hoạt động thường xuyên: 697.061.041đ.

8. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin

Tổ chức quản lý sức khỏe điện tử người dân; triển khai kế hoạch thực hiện Bệnh án điện tử, ký số; sổ khám chữa bệnh điện tử và khám chữa bệnh từ xa qua các ứng dụng và phần mềm VNPT-His.... Khai thác phần mềm quản lý tài sản; phần mềm thống kê y tế theo Thông tư số 37/2019/TT-BYT.

9. Công tác thi đua khen thưởng và NCKH

- Đầu năm đơn vị ký giao ước thi đua toàn ngành; tuyên truyền tăng cường ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện quy chế dân chủ, triển khai đến tất cả CNVC, người lao động nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng NCKH và CN Trung tâm đã thông qua 04 Đề cương Đề tài NCKH trình Hội đồng Khoa học Sở Y tế đánh giá phê duyệt đạt 4/4 Đề cương đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị.

10. Công tác Quân dân y kết hợp

Hội đồng khám tuyển NVQS Trung tâm Y tế phối hợp BCH QS, CA đặc khu khám tuyển gọi nam công dân nhập ngũ năm 2026 đạt chỉ tiêu 13/13; tổ chức KSK cho Quân dân tại ngũ, đã xuất ngũ, học sinh đăng ký xét tuyển vào các trường Quân đội năm 2026 được 16 học sinh; lực lượng dân quân tự vệ 20 người.

III. NHẬN XÉT

1. Đánh giá chung

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Y tế đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ tại cơ quan, đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chống lại các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, các hình thức quan liêu, tham nhũng, lãng phí, ... Nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết. Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục, duy trì thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, khống chế kịp thời, hầu hết các bệnh truyền nhiễm có chiều hướng giảm hơn so với cùng kỳ năm 2025. Chỉ tiêu điều trị nội trú thấp; một số chỉ tiêu công tác dự phòng thực hiện còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Nhìn chung các Khoa/Phòng chuyên môn thực hiện tốt các quy định, quy chế

chuyên môn trong thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh thanh quyết toán BHYT.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số cơ chế, chính sách, hướng dẫn của Trung ương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 72-NQ/TW chưa được ban hành (*nghị quyết về tiêm chủng, lộ trình miễn viện phí...*), ngành Y tế chưa có cơ sở tham mưu triển khai thực hiện để đảm bảo tiến độ đề ra.

- Địa bàn chia cắt, du lịch địa phương bùng phát; tình hình thời tiết diễn biến thất thường làm tăng nguy cơ bùng phát các dịch bệnh mới nổi và tái nổi. Các tác nhân gây bệnh có sự biến chủng liên tục, gây khó khăn cho công tác phối hợp kiểm soát và dự báo.

- Sau khi thực hiện chuyển giao trạm y tế về trực thuộc UBND cấp xã, việc tổ chức, vận hành còn lúng túng; cơ chế phối hợp giữa Trung tâm Y tế và TYT có lúc chưa đồng bộ, thiếu thống nhất trong chỉ đạo, điều hành dẫn tới chất lượng một số chương trình còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao. Chỉ tiêu các chương trình trong hệ Dự phòng Sở Y tế giao trễ so với hàng năm; chồng chéo giữa các đơn vị thực hiện.

- Về nguồn nhân lực y tế: Nguồn nhân lực y tế còn thiếu cả về tuyển dụng và hợp đồng đối với kỹ thuật y, bác sĩ chuyên khoa tại Trung tâm. Tình trạng dịch chuyển nhân lực y tế từ tuyến cơ sở lên tuyến trên về môi trường làm việc, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Công tác thu hút, giữ chân nhân lực y tế có trình độ chuyên môn sâu tại tuyến cơ sở chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính y tế: Hạ tầng y tế, trang thiết bị khai thác chưa hiệu quả do thiếu nhân sự có chuyên môn phù hợp. Cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn gặp nhiều khó khăn do giá dịch vụ y tế chưa tính đúng, tính đủ (*hiện nay giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chỉ bao gồm 2/4 yếu tố cấu thành giá, gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương, trong đó chi phí tiền lương áp dụng theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng, trong khi đó mức lương cơ sở hiện nay là 2.340.000 đồng, dự kiến đến tháng 7/2026, mức lương cơ sở tăng lên là 2.530.000 đồng*).

- Về chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận của người dân: Chất lượng dịch vụ y tế giữa các khu vực còn chênh lệch; các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu chủ yếu tập trung tại các Trung tâm, Bệnh viện hạng II, tuyến chuyên sâu. Người dân hải đảo còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao. Nhận thức của một bộ phận người dân về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe còn hạn chế.

- Về chuyển đổi số và quản lý dữ liệu y tế: Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ; Việc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, sổ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa còn chậm thiếu kinh phí.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tăng cường triển khai, phối hợp thực hiện các đầu công việc được giao tại Kế hoạch số 121/KH-SYT ngày 16/12/2025 của Sở Y tế và Kế hoạch số 22/KH-SYT

ngày 30/01/2026 về triển khai (Kế hoạch số 186/KH-UBND triển khai Chương trình hành động số 05-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW).

2. Phối hợp, đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, hạn chế tối đa số ca mắc, tử vong và tác hại của dịch bệnh. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe để người dân chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường hoạt động an toàn trong tiêm chủng. Kiểm soát tốt các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý các chất thải y tế và các chất thải độc hại đúng quy trình. Phối hợp với các ban ngành liên quan để quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn.

3. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện tốt công tác cấp cứu, điều trị cho bệnh nhân tại Trung tâm. Triển khai Kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2026; Giám sát các hoạt động khám chữa bệnh và các chương trình y tế quốc gia; ...Đảm bảo công tác đầu thầu, cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh các cơ sở trên địa bàn giai đoạn 2025-2027.

4. Tham mưu xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế theo quy định. Đảm bảo thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động tại đơn vị.

5. Quản lý tài chính lĩnh vực y tế, điều chỉnh kinh phí ngành y tế năm 2026, tiếp tục xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập giai đoạn 2026-2030. Thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho y tế.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học – công nghệ trong ngành Y tế. Từng bước triển khai đồng bộ hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ y tế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

V. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Các giải pháp

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, người đứng đầu đơn vị; văn bản chỉ đạo cấp trên; giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ thực hiện; bám sát chương trình kế hoạch đã ban hành các chỉ tiêu được giao đề xuất giải pháp phù hợp tập trung thực hiện.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, các chương trình; Đề án phát triển cho y tế biển đảo để tăng cường công tác tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực và sử dụng phù hợp có hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ.

- Sắp xếp hiệu quả công tác tổ chức, nhân sự tại đơn vị; ổn định tổ chức, giám sát, phân công nhiệm vụ đúng chức năng hoạt động từng đơn vị.

- Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trong khu vực, trong nước và địa phương triển khai kịp thời các phương án, kế hoạch phòng chống dịch hiệu quả trên địa bàn.

- Các đơn vị phối hợp chặt chẽ với các ngành, chính quyền địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; nâng cao

chất lượng công tác khám và điều trị bệnh không lây nhiễm; quản lý, báo cáo chặt chẽ các bệnh lây nhiễm; đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế. Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng lĩnh vực chuyển đổi số; khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT vào lĩnh vực ngành quản lý, KCB, kết nối dữ liệu điện tử phục vụ triển khai hồ sơ BAĐT giai đoạn 3 ...

2. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Sở Y tế cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn nghị định, thông tư liên quan đến ngành đến cơ sở; chỉ đạo rà soát chỉ tiêu thực hiện các đơn vị điều chỉnh phù hợp với năng lực thực hiện từng đơn vị; thăng hạng viên chức đủ điều kiện tại các đơn vị; hỗ trợ đơn vị công tác chuyển đổi số, Bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa; liên kết đào tạo chuyên khoa lẻ, cận lâm sàng tại Tỉnh tạo điều kiện cho viên chức ngành được theo học và đảm bảo công việc của đơn vị...

- Đề nghị các Bệnh viện, Trung tâm tuyển tình hỗ trợ đơn vị công tác chỉ đạo tuyển, chuyển tuyến để đơn vị thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho Nhân dân...

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác Y tế 06 tháng đầu năm 2026 và phương hướng nhiệm vụ công tác y tế 06 tháng cuối năm 2026. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị thuộc Trung tâm Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, thực hiện./. *mp*

Nơi nhận:

- KHTC Sở Y tế;
- P.VH-XH đặc khu Kiên Hải;
- Chi cục thống kê Kiên Hải;
- GD và các PGD TTYT; VPĐU Y tế;
- Khoa/Phòng;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, KHN.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cẩn

BẢNG SỐ LIỆU

Kết quả thực hiện công tác Y tế 6 tháng năm 2026 và Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 tại Trung tâm Y tế Kiên Hải

(Từ ngày 01/01/2026- ước 30/6/2026)

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2025	Năm 2026				
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH	
I- CỘNG CỐ Y TẾ CƠ SỞ							
Dân số Đặc khu	Người	18250			16.808	92	
Tỷ lệ Giường bệnh/vận dân (Không có TYT)	GB/VD	30,1	30,3		29,74	99	98,15
Bác sĩ hiện có (đặc khu)	Người	20			20	100	
Tỷ lệ Bác sĩ/Vận dân (đặc khu)	%	10,96	12,07		11,90	109	98,58
II. DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH							
TS giường bệnh (KH và Thực kê)	GB	55	55		55	100	100
TS lượt khám bệnh	Lượt	3662	8000		5109	139,5	63,86
TS bệnh nhân điều trị nội trú	Người	43	120		35	81	29,17
Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Người	5	5		5	100	100
Tỷ lệ bệnh nhân khỏi chờ giảm	Người	90	90		90	100	100
Khám và điều trị YHCT:	lượt	1.001	2000		1734	173	86,70
Trong đó: Bệnh án ngoại trú	Lượt	85	150		61	71,76	40,67
III. SỨC KHỎE SINH SẢN							
1. Chỉ tiêu Chăm sóc SKBM							
Phá thai	cas	-	0		0		
Số phụ nữ được đỡ đẻ tại cơ sở y tế	người	71	150		88	123,9	58,67
Số lượt khám phụ khoa	lượt	1.118	1085		810	72,5	74,65
Số phụ nữ điều trị phụ khoa	người	560	0		480	85,7	
Số PN đẻ được khám thai >4 lần/kỳ	người	71	131		88	123,9	67,18
Số phụ nữ đẻ được quản lý thai	người	71	147		88	123,9	59,86
Bà mẹ và trẻ SS được chăm sóc sau đẻ	người	71	131		88	123,9	67,18
2. Chỉ tiêu Chăm sóc SKTE							
Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng < 2500gr	%		< 6				
Số trẻ sơ sinh có cân nặng < 2500gr	Trẻ		9				
Tỷ lệ trẻ được chăm sóc EENC sau đẻ thường	%		≥ 90				
Số trẻ được chăm sóc EENC sau đẻ thường	Trẻ		135				
Tỷ lệ trẻ được chăm sóc EENCsau mổ lấy thai	%		≥ 80				
Số trẻ được chăm sóc EENCsau mổ lấy thai	trẻ		42				
Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰		< 9				
Số tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	trẻ	0	1		0		
Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰		<11				
Số tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	trẻ	0	2		0		
Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰		< 8				
Số tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	trẻ		1				
3. Chương trình lây truyền HIV từ mẹ sang con							
Tỷ lệ Số PN đẻ được XN HIV khi mang thai	%		≥ 95				

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2025	Năm 2026			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
Số PN đẻ được XN HIV khi mang thai	Người	51	143	52		
Tỷ lệ Số PN đẻ được XN viêm gan B khi mang thai	%		≥ 85			
Số PN đẻ được XN viêm gan B khi mang thai	Người	51	128	52		
Tỷ lệ Số PN đẻ được XN giang mai khi mang thai	%		≥ 60			
Số PN đẻ được XN giang mai khi mang thai	Người	51	90	52		
Tỷ lệ chuyển tiếp thành công phụ nữ mang thai nhiễm HIV đến cơ sở điều trị HIV/AIDS	%	100	100	100		
4. Dân số và phát triển						
TS người áp dụng các BPTT mới	Người	1024	1056	933	91,1	88,4
TD: - Đạt vòng	Người	83	244	124	149,4	50,8
- Uống thuốc TT	Người	433	520	470	108,5	90,4
- Thuốc tiêm TT	Người	59	61	54	91,5	88,5
- Bao cao su	Người	447	229	284	63,5	124,0
- Thuốc cấy	Người	2	2	1	50,0	50,0
IN DINH DƯỠNG						
TE < 5 tuổi được cân, đo	TE	1051	1254	1112	105,8	88,7
Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD cân nặng/tuổi	%	6,2	6,15	6,15	99,2	100
Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD chiều cao/tuổi	%	7,5	< 7,5	7,5	100	100
Thừa cân, béo phì (cân nặng/chiều cao)	%	< 10	< 10	< 10	100	100
Tỷ lệ Trẻ 6-36 tháng được uống Vitamin A	%		98%	100%		100
Số trẻ được uống vitamin A/đợt (2 đợt/năm)	trẻ	735	1182	591		50
Số lượt trình diễn bữa ăn	Lượt	-	12	0		0
Số người tham dự	Người	-	300	0		0
Số buổi nói chuyện chuyên đề (Tuần lễ NCBSM, Tuần lễ DD và PT)	Buổi		2	0		0
In ấn băng rôn chiến dịch A, tuần lễ NCBSM, TL Dinh dưỡng và phát triển	Cái		16	4		25,0
Tỷ lệ xã, phường, đặc khu được giám sát	%		100	4		100,0
Tỷ lệ cán bộ dinh dưỡng TYT được cập nhật kiến thức chuyên môn	%		100	2		50,0
Số lượt phát thanh truyền hình	lượt		12	6		50,0
Số phòng tư vấn được triển khai tại xã	Phòng		2	0		0
1. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG - Y TẾ TRƯỜNG						
1. Sức khỏe môi trường						
Kiểm tra, giám sát về quản lý chất thải y tế tại TYT, điểm trạm, Phòng khám trực thuộc TTYT	Cơ sở	5	4	5	100	125
Giám sát công tác SKMT tại TYT	Cơ sở	0	1	4		400
Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị cấp nước	Cơ sở	0	8	6		75
2. Chương trình YTTH - Nha học đường						
Trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học - Nha học đường	Trường	6	5	5	83	100
Giám sát chương trình YTTH - NHĐ tại tuyến cơ sở (2 lượt/năm/đơn vị)	Lượt/đợt	1	2	1	100	50,0
3. Chương trình Vệ sinh An toàn Thực phẩm						
- Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	327	257	141	43	54,9

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2025	Năm 2026			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
- Test nhanh	HS	30	0	0	0	#DIV/0!
- Lấy mẫu xét nghiệm	Mẫu	25	0	0	0	#DIV/0!
Giấy CN CSĐDK ATTP	Cơ sở	7	0	0	0	#DIV/0!
Số ca ngộ độc thực phẩm/100.000	Cas	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
4. Công tác phòng chống tai nạn thương tích						
- Tập huấn An toàn vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu tại cơ sở sản xuất kinh doanh:						
+ Số lớp	Lớp	1	1			
+Số người tham gia	Người	75	70			
- Kiểm tra, giám sát chương trình ATVSLĐ, PC BNN, PC tai nạn thương tích ngoài ngành y tế doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cơ sở	3	3	2	67%	0,7
VI. PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS						
Số người có quan hệ tình dục đồng giới được tiếp cận với dịch vụ can thiệp giảm tác hại và dự phòng (chương trình bao cao su)	Người	60	60	60	100	100
Số mẫu xét nghiệm HIV thực hiện tại các cơ sở y tế trong tỉnh	Mẫu	62	200	50		
Số người nguy cơ cao được xét nghiệm HIV trong năm	Người		50			
VII. PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM						
1. Tiêm chủng mở rộng						
Số trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng MĐĐĐ	Trẻ	83	179	79	95,18	44,13
- Tỷ lệ đạt	%	46	95	44	95,65	46,32
Phụ nữ có thai được tiêm ngừa UV2+	Người	65	179	71	109,23	39,66
- Tỷ lệ đạt	%	36	90	39	108,33	43,33
Số trẻ <1 tuổi được tiêm viêm gan B trước 24 giờ	Trẻ	32	179	57	178,13	31,84
- Tỷ lệ đạt	%	17	90	31	182,35	34,44
Viêm não Nhật Bản mũi 2	Trẻ	142	177	61	42,96	34,46
- Tỷ lệ đạt	%	80	95	34	42,50	35,79
Viêm não Nhật Bản mũi 3	Trẻ	113	183	93	82,30	50,82
- Tỷ lệ đạt	%	61	95	50	81,97	52,63
DPT4	Trẻ	135	179	77	57,04	43,02
- Tỷ lệ đạt	%	75	95	43	57,33	45,26
Sởi-Rubella 18 tháng	Trẻ	85	179	67	78,82	37,43
- Tỷ lệ đạt	%	47	95	37	78,72	38,95
2. Phòng chống Sốt xuất huyết						
Khống chế tỷ lệ mắc <150/100000 dân hàng năm	Người	0	35	3		9
Khống chế tỷ lệ chết/mắc <0,09% hàng năm	Người	0	0	0		
3% tỷ lệ ca lâm sàng SXHD được xét nghiệm định tuýp vi rút	Mẫu	0	1,05	0		
3% tỷ lệ ca lâm sàng SXHD được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh học MAC-ELISA	Mẫu	0	1,05	0		
Số điểm giám sát véc tơ thường xuyên (mỗi huyện 1 điểm)	Điểm	1	1	1	100	100

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	DVT	Năm 2025	Năm 2026			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
Số ổ dịch xử lý (%)	%		≥ 90			
Số áp nguy cơ bùng phát dịch triển khai CD diệt LQ 3 đợt /năm (chỉ tiêu cho mỗi đợt)	áp/ đợt		13			
Số ổ dịch xử lý DLQ phối hợp phun hóa chất (>95% ổ dịch được xử lý)	ổ dịch		20			
4. Phòng chống TCM						
Không chế tỷ lệ mắc <100/100000 dân hàng năm	Người	2	23	5	250,0	22,0
Số ổ dịch TCM được xử lý (≥ 95 % OD được xử lý)	ổ dịch		15			
5. Phòng chống Phong						
Số người khám phát hiện	Người	805	800		0,0	0,0
Số BN phát hiện mới	Người	0	0	0		0,0
Số BN quản lý điều trị	Người	2	2	2	100,0	100,0
Số BN chăm sóc tàn tật	BN	2	2	2	100,0	100,0
Số điểm triển khai	Điểm	4	2		0,0	100,0
Khám bệnh da tại cộng đồng	BN	195	150		0,0	50,0
Tỷ lệ chăm sóc tàn tật	%	100	100	100	100,0	100,0
Tỷ lệ khám tiếp xúc	%	100	100	100	100,0	100,0
VII. KÝ SINH TRÙNG - CÒN TRÙNG						
Tầm mùng bằng hóa chất	Người	220	2000	0	0	0
Số lam xét nghiệm	lam	0	300	0	0	0
Tỷ lệ SR/1000 dân	%	0	≤0,008			
IX. PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM						
1. Phòng chống bướu cổ						
Giám sát muối Iod tại hộ gia đình	Hộ GD		30			
Điều tra KAP bà mẹ	BM		24			
2. Bệnh Đái tháo đường:						
Tập huấn kỹ năng thực hành cho cán bộ tham gia chương trình phòng chống ĐTĐ	Người	4	2	4	100,00	200,00
Thực hiện khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	300	1650	950	57,00	57,58
Số bệnh nhân được quản lý, tư vấn và điều trị tại trạm y tế	Người	359	180	316	175,00	175,56
Số xã triển khai khám sàng lọc	Xã	1	1	1	1,00	1,00
Tỷ lệ cán bộ y tế của tuyến y tế cơ sở được tập huấn chuyên môn	%	100	100	100	100,00	100,00
Tỷ lệ xã được kiểm tra, giám sát	%	100	100	0	0,00	0,00
3. Bệnh Tăng huyết áp:						
Số cán bộ y tế được đào tạo	Cán bộ	4	2	0	0,00	0,00
Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp	Xã	1	1	1	1,00	1,00
Phát hiện bệnh THA thông qua khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	132	100	150	150,00	150,00
Số bệnh nhân THA được quản lý điều trị tại Trạm Y tế	Người	503	350	502	143,00	143,43
Số người được sàng lọc YTNC	Người	825	1650	950	57,00	
Tỷ lệ cán bộ y tế của tuyến y tế cơ sở được tập huấn chuyên môn	%	100	100	0	0,00	0,00
Tỷ lệ xã được kiểm tra, giám sát	%		100	0	0,00	0,00

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	Năm 2025	Năm 2026			
		6 tháng	Kế hoạch	06 tháng	% so cùng kỳ	% so KH
4. Phòng chống bệnh Phổi tắc nghẽn mãn tính và Hen phế quản						
Số phát hiện bệnh COPD- hen phế quản	Người		233	6	2,50	
Số quản lý, điều trị bệnh COPD- hen phế quản	Người		100	6	6,00	
Số người ≥40 tuổi được sàng lọc YTNC	Người		637	6		
5. Phòng, chống tác hại rượu bia						
Số người được sàng lọc nguy cơ sức khỏe do rượu bia	Người		150	0	0	0
X. TRUYỀN THÔNG, GIÁO DỤC SỨC KHỎE						
Số lần sinh hoạt chuyên đề trong trường học, cộng đồng dân cư	lần	19	10	6	31,6	60,0
Số Lướt văng gia	Lướt	174	* 300	0	-	-
Số lần phát thanh trên hệ thống loa Xã/Phường	lần	432	20	26	6,0	130,0
Số lượt tư vấn cá nhân tại cơ sở y tế	lần	2801	48	62	2,2	129,2
Số tin ảnh cộng tác	Tin, ảnh	4	24	4	100,0	16,7
Số phòng/góc tư vấn giáo dục sức khỏe	Phòng/góc	2	2	2	100,0	100,0